

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Phương;

2 Ông Phan Ngọc Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thông L, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị Thu T trình bày: Giữa bà T với ông Huỳnh Thông L do 02 người quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên ông, bà tiến tới hôn nhân vào năm 1995. Ông, bà có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 290/TH, quyển 02/02, ngày 29/12/2002. Quá trình sống chung hạnh phúc được 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hạnh phúc nên ông, bà không còn sống chung từ năm 2017

đến nay. Vào năm 2021 bà T có làm đơn xin ly hôn và Tòa án giải quyết, qua động viên bà T với ông L đoàn tụ lại nhưng không có hạnh phúc, hiện ông L đang quan hệ với người phụ nữ khác tên Tiên. Bà T nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Bà T xin được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Giữa bà T với ông L có với nhau một đứa con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 28/10/1999, hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị Thu T khai bà với ông L không có tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Võ Thị Thu T khai chị với ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Thông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông L vắng mặt không lý do.

Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 của bà Đỗ Thị V là mẹ ruột ông Huỳnh Thông L cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông L với bà T thể hiện: Ông L với bà T cưới nhau vào năm 1995, hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi cưới nhau thì hai người có cất một căn nhà ở riêng cấp vách nhà bà V tại Ấp 1, xã X. Vợ chồng bà T sống hạnh phúc đến khoảng 8 năm thì bà T phát bệnh Ung thư nên giữa bà T với ông L không còn sống chung khoảng 8 năm nay. Vợ chồng ông L, bà T đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương nên giao nhà cho bà giữ dùm. Ông L với bà T có một đứa con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1999 đang sống với bà T. Theo bà V, Tòa án cho bà T với ông L ly hôn nhau cũng hợp lý vì hai người không còn sống chung với nhau đã 8 năm.

Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 Công an xã X cung cấp: Ông Huỳnh Thông L, sinh năm 1967 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp 1, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang theo hồ sơ hộ khẩu số 492. Hiện ông L vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, vào dịp đầu, lễ và tết hàng năm ông L có về địa phương.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do ông L vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 18/5/2022 của bà Đỗ Thị V và Công an xã X, biên bản không lấy được lời khai ông L ngày 18/5/2022 của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu, ông L vắng mặt,

Bà T xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; ông L không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, bà Võ Thị Thu T với ông Huỳnh Thông L có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng 8 năm thì giữa bà T và ông L có phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm. Bà T với ông L đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T với ông L có 01 người con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 28/10/1999 đã trưởng thành. Không đặt ra giải quyết

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Võ Thị Thu T khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” với ông Huỳnh Thông L, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 Công an xã X cung cấp: Ông Huỳnh Thông L, sinh năm 1967 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp 1, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang theo hồ sơ hộ khẩu số 492. Hiện ông L vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, vào dịp dỡ, lễ và tết hàng năm ông L có về địa phương.

Sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Thông L vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T với ông Huỳnh Thông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 290/TH, quyền 02/02, ngày 29/12/2002. Xét, hôn nhân giữa bà T với ông L là hợp pháp.

Bà T khai, Quá trình sống chung hạnh phúc được 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hạnh phúc nên ông, bà không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Vào năm 2021 bà T có làm đơn xin ly hôn và Tòa án giải quyết, qua động viên bà T với ông L đoàn

tự lại nhưng không có hạnh phúc, hiện ông L đang quan hệ với người phụ nữ khác tên Tiên. Bà T nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Bà T xin được ly hôn với ông L.

Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 của bà Đỗ Thị V là mẹ ruột ông Huỳnh Thông L cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông L với bà T thể hiện: Ông L với bà T cưới nhau vào năm 1995, hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi cưới nhau thì hai người có cất một căn nhà ở riêng cấp vách nhà bà V tại Ấp 1, xã X. Vợ chồng bà T sống hạnh phúc đến khoảng 8 năm thì bà T phát bệnh Ung thư nên giữa bà T với ông L không còn sống chung khoảng 8 năm. Vợ chồng ông L, bà T đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương nên giao nhà cho bà giữ dùm. Ông L với bà T có một đứa con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1999 đang sống với bà T. Theo bà V, Tòa án cho bà T với ông L ly hôn nhau cũng hợp lý vì hai người không còn sống chung với nhau đã 8 năm.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Bà T với ông L có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa bà T với ông L đã sống xa cách nhau từ năm 2017 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của bà T ly hôn đối với ông L.

[3] Về con chung: Giữa bà T với ông L có với nhau một đứa con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 28/10/1999, hiện con đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu ông Huỳnh Thông L cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, giữa hai người có tài sản, nợ chung thì ông L vẫn có quyền khởi kiện bà Võ Thị Thu T yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006222 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Huỳnh Thông L không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu T.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T được ly hôn với ông Huỳnh Thông L;

Giấy chứng nhận kết hôn số 290/TH, quyền 02/02, ngày 29/12/2002 do UBND xã X, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho bà Võ Thị Thu T với ông Huỳnh Thông L không còn giá trị pháp luật.

- Về con chung: Giữa bà Võ Thị Thu T với ông Huỳnh Thông L có với nhau một đứa con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 28/10/1999, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu ông Huỳnh Thông L cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, giữa hai người có tài sản, nợ chung thì ông L vẫn có quyền khởi kiện bà Võ Thị Thu T yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

- Về án phí: Bà Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006222 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Huỳnh Thông L không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án bà Võ Thị Thu T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của ông Huỳnh Thông L là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã X
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh